

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 66/2022/HS-ST

Ngày: 23 - 11 - 2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hùng Phương.

Các hội thẩm nhân dân:

Bà Dương Thị Vui.

Ông Lê Đức Chạc.

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Quang Hải – Thư ký Tòa án nhân dân huyện N.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diệu Linh – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 11 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 50/2022/TLST- HS ngày 03 tháng 10 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 68/2022/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 11 năm 2022 đối với:

* Bị cáo: Dương Văn Ch - Sinh năm 1981 tại tỉnh Nam Định. Giới tính: Nam; Nơi cư trú: Xóm Đ, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Đạo Thiên chúa; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; con ông Dương Ngọc Ch, sinh năm 1953 và bà Nguyễn Thị Ng, sinh năm 1960; anh chị em ruột có 05 người, bị cáo là thứ nhất; có vợ là Nguyễn Thị L, sinh năm 1982, lao động tự do tại xóm Đ, xã N huyện N, tỉnh Nam Định; có 02 con: con lớn sinh năm 2007, con nhỏ sinh năm 2017. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 05/7/2022 đến ngày 14/7/2022 thì bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”; có mặt.

* Bị hại: Chị Nguyễn Thị Huyền Tr, sinh năm 2001; nơi cư trú: Xóm Đ, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định; vắng mặt.

* Người làm chứng: Chị Phạm Thị Như Qu, sinh năm 2001; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Tối ngày 01/7/2022, chị Nguyễn Thị Huyền Tr mang điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A5 của mình đến cửa hàng mua bán, sửa chữa điện thoại Minh Quân của Dương Văn Ch để thay màn hình. Ngày 02/7/2022, sau khi sửa xong, Ch kiểm tra lại các chức năng sử dụng của điện thoại, phát hiện trong kho lưu trữ ảnh trên máy có 01 (một) ảnh chụp màn hình thể hiện mật khẩu ứng dụng Internet Banking của Ngân hàng Quân đội MB Bank. Ch sử dụng mật khẩu lưu trong ảnh, đăng nhập thành công vào tài khoản Internet Banking trên máy của chị Tr (tên đăng nhập là số thuê bao lắp trong máy). Ch kiểm tra thấy số dư trong tài khoản là 13.079.000 đồng nên nảy sinh ý định chiếm đoạt số tiền trên. Ch lấy điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F5 của mình, kết nối mạng Internet, tải ứng dụng Internet Banking Ngân hàng Quân đội MB Bank, đăng nhập vào tài khoản của chị Tr, Ch nạp thử 10.000 đồng vào số thuê bao 0869.852.827 của chị Tr, thấy đăng nhập thành công. Ch định chiếm đoạt ngay số tiền trong tài khoản ngân hàng của chị Tr nhưng sợ bị lộ nên không thực hiện. Tối ngày 02/7/2022, Ch trả lại điện thoại cho chị Tr. Khoảng 08 giờ 30 phút ngày 03/7/2022, Ch điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Lead, sơn màu xanh nâu, biển số 18L1-350.80 đến cửa hàng tạp hóa của chị Phạm Thị Như Qu, sinh năm 2001, ở khu 9, thị trấn Th, huyện H, tỉnh Nam Định (có dịch vụ chuyển, rút tiền). Ch lấy điện thoại của mình đăng nhập vào tài khoản Internet Banking của chị Tr, sau đó chuyển số tiền 13.000.000 đồng từ số tài khoản 88880402001 của chị Tr sang số tài khoản 222222032001 của chị Qu để rút tiền mặt, rồi đi về nhà. Đến khoảng 17 giờ ngày 05/7/2022, Dương Văn Ch đến Công an huyện N đầu thú và tự giác giao nộp số tiền chiếm đoạt 13.000.000 đồng. (Bút lục số: 13-14; 35-52; 53-60,72).

Tại Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện N, Dương Văn Ch đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Bản cáo trạng số 55/CT-VKS ngày 03/10/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện N đã truy tố bị cáo về tội “ Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Tại phiên toà hôm nay Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo theo như tội danh và điều luật đã nêu. Sau khi đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo đã đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt Dương Văn Ch từ 09 (Chín) tháng đến 12 (Mười hai) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 (Mười tám) tháng đến 24 (Hai mươi bốn) tháng; đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo; đề nghị áp dụng Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự và Điều 6; Điều

23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội để buộc bị cáo phải nộp án phí theo quy định.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo thừa nhận hành vi của mình là vi phạm pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện N, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện N, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng; bị hại, người làm chứng không có khiếu nại gì. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về định tội danh: Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng và các tài liệu đã được xác lập có trong hồ sơ vụ án cũng như bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện N đã truy tố bị cáo ra trước phiên tòa hôm nay. Như vậy đã đủ cơ sở xác định: Dương Văn Ch lợi dụng việc sửa chữa điện thoại di động cho chị Nguyễn Thị Huyền Tr, phát hiện được mật khẩu, tài khoản của chị Tr có tiền. Ch nảy sinh ý định chiếm đoạt và dùng thủ đoạn đăng nhập ứng dụng Internet Banking của Ngân hàng quân đội MB Bank của chị Tr, tải ứng dụng Internet Banking của Ngân hàng quân đội MB Bank về điện thoại của mình rồi chiếm đoạt của chị Tr số tiền là 13.000.000 đồng. Như vậy hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Hành vi bị cáo đã thực hiện xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác, là nguy hiểm cho xã hội, làm ảnh hưởng đến nếp sống văn hoá của dân tộc, gây nên dư luận xấu trong nhân dân ở khu vực. Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình nên việc đưa bị cáo ra xét xử công khai, lên án xử lý nghiêm là cần thiết nhằm góp phần vào việc đấu tranh phòng chống tội phạm.

[3] Xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo thì thấy: Bị cáo là người có nhân thân tốt. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thấy:

Bị cáo đã tự nguyện nộp lại số tiền đã chiếm đoạt, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng và trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra sau khi trộm cắp tài sản, bị cáo đã ra đầu thú và bị hại có đơn đề nghị xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ theo quy định khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Từ những phân tích, đánh giá nêu trên, Hội đồng xét xử thấy áp dụng hình phạt tù có thời hạn nhưng cho bị cáo hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách đối với bị cáo là phù hợp.

[4] Về hình phạt bổ sung: Theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy bị cáo là người có điều kiện kinh tế khó khăn. Vì vậy Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại toàn bộ tài sản, không có yêu cầu bồi thường, do vậy không đặt ra xem xét.

[6] Về vật chứng của vụ án: Đối với xe mô tô nhãn hiệu Honda Lead, sơn màu xanh nâu, biển số 18L1-350.80, qua điều tra xác minh là xe của chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1982 (vợ Ch), chị L không biết việc Ch sử dụng vào mục đích phạm tội và việc chị Qu thực hiện giao dịch chuyển tiền cho Ch, chị Qu không biết đó là giao dịch không hợp pháp nên không đặt vấn đề xử lý bằng pháp luật là phù hợp.

Đối với chiếc điện thoại nhãn hiệu OPPO F5 bị cáo dùng để chuyển tiền, bị cáo đã bán cho một người không biết tên tuổi địa chỉ lên không thu giữ được.

[7] Bị cáo phải chịu án phí theo quy định tại Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự và Điều 6; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[8] Xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện N là phù hợp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự;

Căn cứ vào Điều 135, Điều 136, Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng Hình sự;

Căn cứ vào Điều 6; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

1. Tuyên bố bị cáo Dương Văn Ch phạm tội “Trộm cắp tài sản”;
2. Xử phạt bị cáo Dương Văn Ch 09 (Chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 (Mười tám) tháng kể từ ngày tuyên án 23/11/2022. (Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 05/7/2022 đến ngày 14/7/2022).

Giao bị cáo Dương Văn Ch cho Ủy ban nhân dân xã N, huyện N, tỉnh Nam Định nơi cư trú của bị cáo giám sát giáo dục. Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về án phí: Buộc bị cáo Dương Văn Ch phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo, vắng mặt bị hại. Báo cho người có mặt biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án và người được thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6; 7; 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hạn thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh;
- VKS nhân dân Tỉnh + huyện;
- Công an huyện;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- UBND xã N;
- Án văn + lưu hồ sơ;
- Thi hành án phạt tù.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Phạm Hùng Phương